

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 06/6/2018.
V/v tranh chấp HNGĐ về ly hôn,
nuôi con và nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Nguyễn Thị Vĩnh
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Nguyễn Tấn Tăng Ông Trần Phước Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/5/2018, 23/5/2018 và ngày 06/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLPT-HNGĐ ngày 02/4/2018 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về Ly hôn, nuôi con và nợ chung”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 14/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Phúc H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Đường P, tổ 56, khóm 8, phường 9, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Đường P, tổ 5, khóm 5, phường 8, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Trần Lâm Thanh L, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Đường Đ, phường 1, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Đường P, tổ 56, khóm 8, phường 9, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thành L, Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ;

Địa chỉ: Đường M, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, sinh năm 1959 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Ngọc K: Ông Nguyễn Tiến N, sinh năm 1958; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh C.

Địa chỉ: Đường N, phường Z, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Chị Trần Lâm Thanh L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn Trần Phúc H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Phúc H và chị Trần Lâm Thanh L, sống chung với nhau vào năm 2001, hôn nhân có tìm hiểu trước 04 năm, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2005 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc thời gian đầu nhưng khoảng thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do chị L cho rằng anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Anh H đã nhiều lần giải thích nhưng chị L không chấp nhận nên anh H và chị L không sống chung với nhau từ tháng 8/2016 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, anh H nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay anh H nhận thấy đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Trần Lâm Thanh L.

Con chung: Anh H và chị L có hai con chung tên: Trần Quang H1, sinh ngày 06/5/2003 và Trần Quỳnh H2, sinh ngày 22/12/2011, hiện nay Quang H1 đang sống với anh H, Quỳnh H2 đang sống với chị L. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi con chung tên Quang H1, đồng ý con chung tên Quỳnh H2 chị L nuôi, anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung Quang H1, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Quỳnh H2 hàng tháng là 2.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 đến khi Quỳnh H2 đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Tài sản vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H có đơn yêu cầu rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung.

Nợ chung: Ngày 10/8/2016 anh H và chị L có nợ NLQ số tiền 2.500.000.000 đồng, mục đích để xây dựng căn nhà Đường P, khóm 7, phường 8, thành phố C. Khi ly hôn, anh H yêu cầu chị L trả $\frac{1}{2}$ tiền nợ là 1.250.000.000 đồng và anh H đồng ý trả $\frac{1}{2}$ tiền nợ là 1.250.000.000 đồng cho NLQ.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã trả toàn bộ số nợ cho NLQ, nay anh H yêu cầu chị L trả lại cho anh H số tiền gốc 1.309.717.000 đồng và tính lãi từ ngày 03/10/2017 - 27/02/2018, lãi suất 0,79%/tháng, thành tiền là 1.309.717.000 đồng x 0,79% x 04 tháng 24 ngày = 49.664.000 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 1.359.381.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi kết thúc vụ án.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng, anh H tự nguyện chịu, đã nộp và chi xong.

- Bị đơn Trần Lâm Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L thống nhất lời trình bày của anh H về thời gian kết hôn, có đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, thời gian chung sống. Tuy nhiên, chị L không thống nhất lời trình bày của anh H về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị L nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chị L không có chứng cứ chứng minh. Nay chị L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh H vì vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng đến mức phải ly hôn.

Con chung: Anh H và chị L có hai con chung là Trần Quang H1, sinh ngày 06/5/2003 và Trần Quỳnh H2, sinh ngày 22/12/2011, hiện nay Quang H1 đang sống với anh H, Quỳnh H2 đang sống với chị L. Chị L không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị L không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về tài sản chung.

Nợ chung: Chị L thống nhất vợ chồng có nợ NLQ số tiền 2.380.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/8/2017 là 34.000.000 đồng; tổng cộng gốc và tiền lãi là 2.414.000.000 đồng. Anh H đã trả tiền nợ cho NLQ là tiền cá nhân của anh H, nay anh H yêu cầu chị L trả lại 1.309.717.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/10/2017 - 27/02/2018, với lãi suất 0,79%/tháng, thành tiền là 1.309.717.000 đồng x 0,79% x 04 tháng 24 ngày = 49.664.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.359.381.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi kết thúc vụ án, chị L đồng ý.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng, chị L đã trình bày trước đây là chị trả nợ cho NLQ nhưng không biết tiền vốn hay tiền lãi, đây là số tiền chung của vợ chồng nên chị L không yêu cầu anh H trả lại cho chị.

- NLQ có đơn khởi kiện ngày 15/8/2017 trình bày: Ngày 10/8/2016, NLQ có ký hợp đồng tín dụng số 11111612.018/HĐTD với anh Trần Phúc H, anh H vay số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,75%/tháng, hạn trả vào ngày 10/8/2021, mục đích để xây dựng nhà ở. Ngày 02/10/2017, NLQ có đơn xin rút đơn khởi kiện để các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 27/4/2018, 04/6/2018 NLQ có đơn xin vắng mặt với nội dung xác nhận ngày 02/10/2017 anh H đã trả hết nợ vay cho NLQ xong.

* Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án thành phố C đã quyết định:

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Phúc H, anh Trần Phúc H được ly hôn với chị Trần Lâm Thanh L.

- Con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Phúc H, giao con chung tên Trần Quang H1, sinh ngày 06/5/2003 cho anh Trần Phúc H trực tiếp nuôi. Giao con chung tên Trần Quỳnh H2, sinh ngày 22/12/2011 cho chị Trần Lâm Thanh L trực tiếp nuôi, hiện Quang H1 đang sống với anh H, Quỳnh H2 đang sống với chị L.

Cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Phúc H, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Quỳnh H2, sinh ngày 22/12/2011 hàng tháng là 2.000.000đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 đến khi Quỳnh H2 đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con tên Trần Quang H1, sinh ngày 06/5/2003 do anh H không có yêu cầu.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

- Tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về việc chia tài sản chung của anh Trần Phúc H.

- Nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của NLQ.

Công nhận sự thỏa thuận của anh H và chị L về tiền nợ: Chị Trần Lâm Thanh L có trách nhiệm trả cho anh Trần Phúc H số tiền 1.359.381.000 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu ba trăm tám mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chi phí xem xét, thẩm định là 500.000 đồng, anh H tự nguyện chịu, đã nộp và chi xong.

Án phí: Anh H phải chịu án phí sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08632 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C; như vậy anh H đã nộp xong án phí sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.781.000 đồng.

Anh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08633 ngày 29/5/2017; 25.646.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00281 ngày 04/10/2017; 743.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000010 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NLQ được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 40.140.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00058 ngày 21/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/3/2018, bị đơn chị Trần Lâm Thanh L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn Anh Trần Phúc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của chị L.

- Ý kiến người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Chị L nghi ngờ và ghen tuông anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, đây là mâu thuẫn rất nhỏ. Chị L cũng đã xin lỗi và hứa khắc phục, bản thân anh H xin ly hôn nên đã chủ động ra sống riêng và không nói chuyện với chị L. Chị L đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng như nhờ cha mẹ chồng hòa giải, chị cũng nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin nhưng anh H không trả lời nên cho rằng chị L không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng là không phù hợp. Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L để tạo điều kiện cho anh H, chị L trở lại chung sống.

- Bị đơn chị Trần Lâm Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn, không yêu cầu xem xét phần con chung.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị L kháng cáo không đồng ý ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và nội dung tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy:

[1] Quan hệ hôn nhân của anh H và chị L đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến vợ chồng sống ly thân và xa cách.

Theo lời trình bày của anh H, chị L xác định có hai mâu thuẫn trong hôn nhân dẫn đến cuối năm 2016 vợ chồng sống ly thân nhau: Một là: Chị L ghen tuông bóng gió, nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài; Hai là: Mẹ chị L có hai lần nghi ngờ anh H lấy cắp tiền của bà. Lần thứ nhất vào thời điểm vợ chồng anh chị đang xây dựng nhà mới. Lần thứ hai, khi anh H đã về nhà mới thì mẹ chị L nói có mất 400.000.000 đồng và sổ tiết kiệm nên anh của chị L đã gọi điện cho anh H yêu cầu trả tiền.

Theo chị L 02 mâu thuẫn là có thật nhưng chỉ là hiểu nhầm, do mẹ chị muốn làm rõ sự việc dẫn đến lời qua tiếng lại, mâu thuẫn không trầm trọng. Tuy nhiên, anh H cho rằng mình đã bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm và thất vọng về niềm tin, tình cảm của chị L đối với chồng. Sự việc nghiêm trọng nhất là khi mẹ chị L nói mất 400.000.000 đồng thì anh của chị L đã gọi điện đòi anh H trả lại tiền với những lời lẽ rất nặng nề. Sau đó đến nơi anh H đang ở (nhà mới) đòi trả tiền, nên anh H đã chủ động gọi Công an phường 8 đến để làm rõ. Anh H cho rằng sự việc có nhiều người chứng kiến là hàng xóm, Công an Phường nên đến nay anh vẫn cảm thấy xấu hổ với mọi người. Đặc biệt, anh cho rằng tối hôm xảy ra sự việc cũng chính chị L gọi điện cho anh yêu cầu trả lại tiền. Chị L cũng thừa nhận có sự việc trên diễn ra, điều này đã vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân gia đình: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và Điều 21 Luật hôn nhân gia đình cũng quy định: “Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau”. Xét thấy từ những hành vi, cử chỉ của chị L đã làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, tình cảm dần xa cách.

[2] Về khả năng hàn gắn:

Tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm, chị L đã nhận lỗi và hứa khắc phục, cụ thể: Không ghen tuông vô cớ đối với anh H và sắp xếp cho mẹ ruột của chị về TP. Hồ Chí Minh sinh sống (hiện tại mẹ chị L đang sống chung nhà của chị L, anh H). Chị L cho rằng có thể hàn gắn tình cảm với anh H, chị có nêu ra mình đã cố gắng liên lạc qua điện thoại, đến nhà tìm anh H. Ngược lại, anh H cho rằng lời nói của chị L là không đúng sự thật, thực tế chị L cũng không hành động như lời nói muốn hàn gắn tình cảm với chồng.

Tại Tòa án hai bên không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời nói của mình. Tuy nhiên, thực tế khách quan cho thấy:

- Hiện nay hai anh chị sống riêng, nhà chị L và nhà anh H đang ở cách nhau hơn 100m nhưng hơn một năm nay anh chị vẫn không thể giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Trong khi anh H thường xuyên về nhà của chị L (lý do anh đang nuôi chim Yến tại căn nhà chị L đang sinh sống nên về chăm sóc và thu hoạch), nhưng hai bên có giáp mặt thì cũng không nói chuyện. Ngoài việc vợ chồng không nói chuyện với nhau, không quan tâm nhau thì mâu thuẫn giữa anh chị với hai bên gia đình cũng càng trầm trọng, anh H thường xuyên gặp mặt mẹ chị L nhưng không chào hỏi, nói chuyện, chị L thì không về thăm nom, thăm hỏi cha mẹ anh H.

- Về ý chí ly hôn của anh H: Tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như Tòa án cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử và cả Kiểm sát viên đã rất nhiều lần phân tích, động viên anh H nên suy xét kỹ những hậu quả của việc ly hôn, khuyên anh H nên cho chị L cũng như anh H có thời gian và cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, anh H kiên quyết ly hôn do những tổn thương tinh thần đã dẫn đến không còn tình cảm và tính tình hai bên không hợp nhau, nay không thể hàn gắn. Qua lời trình bày của anh H cho thấy thái độ kiên quyết ly hôn và không còn tình cảm với chị L.

[3] Như vậy, với điều kiện hai người ở gần nhau, còn có sự gắn kết của hai con chung nhưng đã hơn một năm nay anh chị cũng không thể hàn gắn tình cảm. Mặt khác, anh H kiên quyết ly hôn, còn hành động hàn gắn tình cảm của chị L là chưa rõ ràng, nên xét thấy khả năng để anh chị hàn gắn tình cảm là không thể. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H là phù hợp quy định pháp luật về tình trạng hôn nhân của anh H và chị L. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án thành phố C.

[4] Đối với các con chung chị L không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị L cho rằng mâu thuẫn giữa chị L, anh H là không lớn và đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị L. Xét đề nghị của Luật sư là không phù hợp nên không chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chị L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Lâm Thanh L.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Phúc H, anh Trần Phúc H được ly hôn với chị Trần Lâm Thanh L.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Phúc H, giao con chung tên Trần Quang H1, sinh ngày 06/5/2003 cho anh Trần Phúc H trực tiếp nuôi; giao con chung tên Trần Quỳnh H2, sinh ngày 22/12/2011 cho chị Trần Lâm Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, hiện Quang H1 đang sống với anh H, Quỳnh H2 đang sống với chị L.

Cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Phúc H, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Quỳnh H2, sinh ngày 22/12/2011 hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 đến khi Quỳnh H2 đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con tên Trần Quang H1, sinh ngày 06/5/2003 do anh H không có yêu cầu. Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về việc chia tài sản chung của anh Trần Phúc H.

- Về nợ chung:

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của NLQ.

+ Công nhận sự thỏa thuận của anh anh Trần Phúc H và chị Trần Lâm Thanh L về tiền nợ: Chị Trần Lâm Thanh L có trách nhiệm trả cho anh Trần Phúc H số tiền 1.359.381.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi chín triệu ba trăm tám mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), anh H tự nguyện chịu, đã nộp và chi xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Trần Phúc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08632 ngày 29/5/2017 của Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố C; anh H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

+ Anh Trần Phúc H được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.250.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 08633 ngày 29/5/2017; 25.646.000 đồng (hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 00281 ngày 04/10/2017; 743.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000010 ngày 15/11/2017; các biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Chị Trần Lâm Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.781.000 đồng (Năm mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

+ NLQ được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 40.140.000 đồng (Bốn mươi triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 00058 ngày 21/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Lâm Thanh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 04942 ngày 13/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C (chị L đã nộp xong).

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. C;
- Chi cục THADS Tp. C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh